

THÔNG BÁO

V/v xét nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 01 năm 2026

Căn cứ Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động,

Căn cứ Quyết định số 1673/QĐ-ĐHTN, ngày 17/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng lương trước thời hạn của Trường Đại học Tây Nguyên;

Nhà trường thông báo việc xét nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 01 năm 2026 như sau:

1. Nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung

1.1. Điều kiện để nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung

- Thời gian:
 - + Đủ 24 tháng đối với viên chức và người lao động (VC, NLĐ) loại B, C, hạng IV;
 - + Đủ 36 tháng đối với VC loại A, hạng I, II, III;
 - + Đủ 12 tháng đối với VC, NLĐ đã hưởng phụ cấp vượt khung từ 5% trở lên.
- Điều kiện: Xếp loại VC, NLĐ: Hoàn thành nhiệm vụ trở lên (trong thời gian xét nâng bậc lương theo từng VC, NLĐ).

1.2. Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên

Thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư 08/2013/TT-BNV và khoản 3 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Thời gian tập sự;
- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;
- Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;
- Thời gian VC, NLĐ đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ;
- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam;
- Thời gian thử thách đối với VC, NLĐ bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

1.3. Trường hợp bị kéo dài thời gian nâng bậc lương

Thực hiện theo khoản 5 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp viên chức bị kỷ luật cách chức quản lý;

- Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp: VC bị kỷ luật cảnh cáo; NLĐ bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; VC, NLĐ xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm;

- Kéo dài 03 tháng đối với VC bị kỷ luật khiển trách;

Trường hợp vừa không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài theo quy định.

Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng.

2. Chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu

VC, NLĐ đã có thông báo nghỉ hưu, nếu trong thời gian giữ bậc đạt đủ 02 tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 08/2013/TT-BNV; khoản 4 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV, chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn bằng số tháng còn thiếu này.

Căn cứ hồ sơ quá trình công tác của VC, NLĐ, Hiệu trưởng thông báo đến toàn thể VC, NLĐ danh sách dự kiến nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 01 năm 2026.

Nhận được Thông báo này, yêu cầu Lãnh đạo, Công đoàn các đơn vị thông báo đến toàn thể VC, NLĐ được biết. Ý kiến phản hồi gửi về phòng Tổ chức Cán bộ **trước ngày 06 tháng 02 năm 2026** (gặp đ/c Nguyễn Thanh Tùng)/.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- TT.CNTT&TV (đăng website Trường)
- Lưu: VT, TCCB (T02b).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG
THƯỜNG XUYỀN VÀ PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG THÁNG 01 NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số:/TB-ĐHTN ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

T T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc lương						Kết quả nâng bậc lương tính đến 31/01/2026						Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (Mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau	Hệ số lương tăng thêm do nâng bậc/ phụ cấp thâm niên vượt khung (hệ số chênh lệch)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I. VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN																	
1	Phương Minh Hải	11/08/1974		K. Y Dược	BS CK2	V.07.01.03	8	4,65	0	01/01/2023	V.07.01.03	9	4,98	0	01/01/2026	0,33	
2	Nguyễn Hồ Huy Hoàng	05/06/1991		K. Y Dược	ThS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	
3	Nguyễn Ngọc Hưng Duy	25/02/1997		Khoa Y Dược	ThS	V.07.01.03	1	2,34	0	04/01/2023	V.07.01.03	2	2,67	0	01/01/2026	0,33	
4	Nguyễn Văn Thái	27/08/1985		K. Nông nghiệp	ThS	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2023	V.07.01.03	5	3,66	0	01/01/2026	0,33	
5	Phạm Thảo Vy		02/09/1991	K. Kinh tế	ThS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	
6	Nguyễn Thị Hoài phương		13/03/1994	Khoa Kinh tế	ThS	V.07.01.03	2	2,67	0	04/01/2023	V.07.01.03	3	3	0	01/01/2026	0,33	
7	Đỗ Thị Thùy Linh		06/06/1987	K. Sư phạm	ThS	V.07.01.03	5	3,66	0	01/01/2023	V.07.01.03	6	3,99	0	01/01/2026	0,33	
8	Vũ Trọng Hào	16/05/1978		K. Sư phạm	ThS	V.07.01.03	8	4,65	0	01/01/2023	V.07.01.03	9	4,98	0	01/01/2026	0,33	
9	Lê Thị Cẩm Lệ		16/04/1993	K. Sư phạm	ThS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	
10	Bùi Thị Phương Thảo		01/04/1992	K. Sư phạm	ThS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	
11	Phạm Xuân Trí	02/06/1987		K. Sư phạm	ThS	V.07.01.03	5	3,66	0	01/01/2023	V.07.01.03	6	3,99	0	01/01/2026	0,33	
12	Phạm Thị Tâm		20/10/1991	K. LLCT	ThS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	
13	Trần Lê Thanh Tú		02/01/1987	K. Ngoại ngữ	ThS	V.07.01.03	5	3,66	0	01/01/2023	V.07.01.03	6	3,99	0	01/01/2026	0,33	
14	Nguyễn Thị Mỹ Liên		01/01/1972	K. Ngoại ngữ	ThS	V.07.01.02	6	6,1	0	01/01/2023	V.07.01.02	7	6,44	0	01/01/2026	0,34	

15	Ngô Hà Thanh		20/10/1992	K. Ngoại ngữ	ThS	V.07.01.03	3	3	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	
16	Hà Lê Hồng Hoa		19/06/1989	K. Ngoại ngữ	ThS	V.07.01.03	3	3	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	
17	Trương Bình An		04/01/1998	K. Ngoại ngữ	ThS	V.07.01.03	1	2,34	0	04/01/2023	V.07.01.03	2	2,67	0	01/01/2026	0,33	
18	Phạm Văn Phước	31/08/1997		K. Ngoại ngữ	ThS	V.07.01.03	1	2,34	0	04/01/2023	V.07.01.03	2	2,67	0	01/01/2026	0,33	
19	Đoàn Thị Hiền		30/12/1994	K. Ngoại ngữ	ThS	V.07.01.03	1	2,34	0	04/01/2023	V.07.01.03	2	2,67	0	01/01/2026	0,33	
20	Nguyễn Hữu Kiên	18/08/1992		K. KHTN&CN	ThS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	
21	Đặng Thị Thúy Kiều		30/07/1979	P. Đào tạo	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/01/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/01/2026	0,34	
22	Trần Thị Thu Hà		16/08/1978	TT. GQPAN T.ĐHTN	ThS	1.003	7	4,32	0	01/01/2023	1003	8	4,65	0	01/01/2026	0,33	
23	Rơ Lan A Nhi	11/09/1992		TT. NNTH	ThS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	
24	Nguyễn Thị Lệ		31/05/1988	Bệnh viện trường	BSCK1	V.08.01.03	4	3,33	0	01/01/2023	V.08.01.03	5	3,66	0	01/01/2026	0,33	
25	Đoàn Mạnh Dũng	15/10/1990		Viện CNSH&MT	TS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2026	0,33	

Danh sách gồm có 25 người.